

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 211/2020/HS-ST
Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư Đoàn P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa
Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí
- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 195/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Tấn Đ** (Bé A), sinh năm 1984, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: K3/10, KP3, phường Bửu H, TP. B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn A, sinh năm 1954 và bà Dương Thị N, sinh năm 1955;

Tiền án: Tại bản án số 256/2018/HSST ngày 07/8/2018, bị Tòa án nhân dân TP. B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 39/2004/HSPT ngày 30/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 03/7/2006, bị Ủy ban nhân dân TP. B đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; ngày 09/4/2009, bị Ủy ban nhân dân TP. B đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng;

Bị bắt: 02/11/2019 (Có mặt).

+ Bị hại: Anh Đồng Ngọc C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: K5/44, KP3, phường Bửu H, TP B, tỉnh Đ (Vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Tấn T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn Hưng Lập, xã Phước T, TX. L, tỉnh Bình P.

Chỗ ở: KP1, phường Bửu H, TP. Biên H, tỉnh Đ (Vắng mặt).

2. Bà Triệu Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: K4/57, KP3, phường Bửu H, TP. Biên H, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/11/2019, Đỗ Tấn Đ gọi điện nhờ Cao Võ Minh V chở Đ đến phòng trọ của anh Đồng Ngọc C ở khu phố 3, phường Bửu H, TP. Biên H thì V đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 60B1-340.35 đến chở Đ đi. Khi đi Đ mang theo 01 con dao tự chế dài khoảng 01m, dạng lưỡi cưa mục đích dùng làm công cụ đe dọa ép buộc C đưa tiền cho Đ tiêu xài. Khi đến phòng trọ của C không thấy C ở phòng trọ nên Đ đi đến nhà của Nguyễn Minh H chờ C về. Khoảng 20 phút sau, C chạy xe ngang qua nhà H thì V phát hiện và gọi C lại. Khi C quay lại, Đ liền dùng dao tự chế giơ lên hù dọa chém C nhưng C đã vội ôm người Đ và nói với Đ “Có gì từ từ nói chuyện anh”. Thấy vậy, V vào can ngăn và giật lấy con dao trên tay Đ đưa vào nhà H cất giấu. Sau đó, Đ yêu cầu C phải đưa 2.000.000 đồng, C không có tiền nhưng do sợ bị Đ đánh nên C nói với Đ có thể mua thiếu card điện thoại để đổi thành tiền đưa cho Đ. Đ bắt C phải mua đủ 2.500.000 đồng tiền card để Đ đổi được đủ 2.000.000 đồng. C đi đến tiệm tạp hóa mua được 01 card điện thoại di động mệnh giá 500.000 đồng đưa cho Đ; Đ cầm lấy nhưng thấy chưa đủ tiền nên Đ đã ép C móc tiền trong túi áo ra đưa cho Đ 800.000 đồng. Do lo sợ bị Đ đánh nên C nói với Đ là đến 15 giờ sẽ gom thêm 1.000.000 đồng nữa đưa tiếp cho Đ.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền 800.000 đồng và 01 card điện thoại trị giá 500.000 đồng, Đ nhờ V chở đến tiệm game không gian ở phường Hóa A, TP. Biên H gặp Hoàng Tấn T (là người mà Đ đã vay 600.000 đồng và để lại 01 điện thoại làm tin) trả cho T 600.000 đồng và lấy lại điện thoại; còn 200.000 đồng Đ nạp tiền vào máy game chơi hết. Sau đó, V chở Đ về nhà, Đ dùng card nạp thẻ cào điện thoại nạp vào game trên máy tính của mình để chơi hết. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ đang ở nhà thì Công an phường Bửu H mời lên làm việc lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Biên H điều tra xử lý.

- Vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô Attila biển số 60B1-340.35 là xe Cao Võ Minh V chở Đ đến gặp anh Đồng Ngọc C lấy tiền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả cho chủ sở hữu là chị Triệu Thanh T (vợ của V).

+ 01 con dao tự chế bằng sắt dài khoảng 01m, 01 thẻ cào điện thoại mạng Viettel số sê ri 10001395847874 mệnh giá 500.000 đồng đã cào lớp bạc để sử dụng do Đỗ Tấn Đ giao nộp.

+ 600.000 đồng do Hoàng Tấn T giao nộp.

+ 01 thẻ nhớ ghi lại diễn biến sự việc cưỡng đoạt tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 96/TCKH-HĐĐG ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: 01 thẻ cào nạp tiền điện thoại trị giá 500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Đồng Ngọc C yêu cầu Đỗ Tấn Đ bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.300.000 đồng.

+ Anh Hoàng Tấn T yêu cầu Đỗ Tấn Đ trả lại số tiền 600.000 đồng.

Đối với hành vi của Cao Võ Minh V và Nguyễn Minh H cả hai không tham gia bàn bạc, không thực hiện hành vi chiếm đoạt và không ăn chia số tiền mà Đỗ Cường đoạt nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 212/CT-VKSBBH ngày 13/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Đỗ Tấn Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Tấn Đ đã khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/11/2019, tại khu vực khu phố 3, phường Bửu H, TP. Biên H bị cáo đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản chiếm đoạt số tiền 800.000 đồng và 01 thẻ card điện thoại Viettel mệnh giá 500.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Đồng Ngọc C là 1.300.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Tấn Đ đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cũng chỉ vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã có hành vi trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, không

những làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương; ngoài ra, bị cáo đã từng bị kết án và hiện tại đã có 01 tiền án tại bản án số 256/2018/HSST ngày 07/8/2018, bị Tòa án nhân dân TP. Biên H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; đồng thời bị cáo còn có nhân thân xấu từng bị xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 02 lần bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân; qua đó, thể hiện bị cáo là đối tượng liều lĩnh, có thái độ xem thường pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi của Cao Võ Minh V và Nguyễn Minh H cả hai không tham gia bàn bạc, không thực hiện hành vi chiếm đoạt và không ăn chia số tiền mà Đ cưỡng đoạt nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với số tiền 1.300.000 đồng và số tiền 600.000 đồng mà bị hại anh Đồng Ngọc C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Tấn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, cần tuyên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại cho anh Đồng Ngọc C số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng); buộc bị cáo trả lại cho anh Hoàng Tấn T số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chiếc xe mô tô Attila biển số biển số 60B1-340.35. Qua xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả cho chủ sở hữu là chị Triệu Thanh T (vợ của Cao Võ Minh V).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tự chế bằng sắt dài khoảng 01m; 01 thẻ cào điện thoại mạng Viettel số sê ri 10001395847874 mệnh giá 500.000 đồng đã sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 09920 ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Đỗ Tấn Đ** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Tấn Đ** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh **Đổng Ngọc C** số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm ngàn đồng).

+ Buộc bị cáo trả lại cho anh **Hoàng Tấn T** số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao tự chế bằng sắt dài khoảng 01m; 01 thẻ cào điện thoại mạng Viettel số sê ri 10001395847874 mệnh giá 500.000 đồng đã sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 09920 ngày 23/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định của Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QLNVLQ (3);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tiến